

Số: 44 /2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 27 -7 - 2023

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HOÀ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Mạnh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tiệm

Ông Lê Thiết Hùng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang - Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu 9 xã X, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H và anh Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị H là nguyên đơn trình bày:

Tôi kết hôn với anh Nguyễn Xuân Đ vào ngày 16 tháng 12 năm 2011, được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Sau kết hôn vợ chồng cùng đi vào tỉnh G làm nghề tự do. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 9 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, hay xảy ra cãi vã. Do mâu thuẫn trầm trọng đến năm 2020 tôi đã về nhà mẹ đẻ ở và đi làm ăn tại tỉnh B vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay chấm dứt mọi quan hệ. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi yêu cầu TAND huyện Hạ Hòa giải quyết

cho tôi được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Tôi xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 13/10/2012 và cháu Nguyễn Bảo H, sinh ngày 11/3/2017, hiện nay, cháu H đang ở với tôi, cháu V đang ở với anh Đ. Ly hôn, tôi xin được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Bảo H, anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tường V, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung, công sức đóng góp: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/6/2023, bị đơn anh Nguyễn Xuân Đ trình bày:

Anh kết hôn với chị Lê Thị H ngày 16/12/2011 được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng vào trong tỉnh G làm ăn kinh tế, cuộc sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được khoảng 9 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay xảy ra cãi vã. Chị H xin ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 13/10/2012 và cháu Nguyễn Bảo H, sinh ngày 11/3/2017, Ly hôn, anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo H, anh sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tường V và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung, công sức đóng góp: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc anh đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập làm việc và thông báo cho anh Nguyễn Xuân Đ tham gia buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ không có mặt. Xác định vụ án không tiến hành hòa giải vì nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải quy định tại khoản 4 điều 207 của BLTTDS. Chị H, anh Đ đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228, điều 238 – BLTTDS, Tòa án xét xử theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Xuân Đ kết hôn ngày 16/12/2011 hoàn toàn tự nguyện và được UBND xã X, huyện H, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là một hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng vào trong tỉnh G làm ăn sinh sống. Chị H và anh Đ đều công nhận vợ chồng có mâu thuẫn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng đã sống ly thân từ năm

2020 đến nay. Chị H xin ly hôn, anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn cũng nhất trí ly hôn. Việc các bên đương sự thuận tình ly hôn là phù hợp với điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần công nhận.

[3] Về con chung: Xác định chị H, anh Đ có hai con chung là cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 13/10/2012 và cháu Nguyễn Bảo H, sinh ngày 11/3/2017, hiện cháu V đang ở với anh Đ, cháu H đang ở với chị H. Ly hôn, chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, anh Đ cũng nhất trí để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, anh sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Do vậy, sau ly hôn cần giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo H; sinh ngày 11/3/2017, anh Nguyễn Xuân Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tường V; sinh ngày 13/10/2012 kể từ tháng 7/2023 cho đến khi từng cháu thành niên là phù hợp. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị H, anh Đ không yêu cầu giải quyết, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí LHST: Chị H phải nộp 75.000 đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

Anh Đ phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng)

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH;

Áp dụng khoản 1 điều 51, điều 55, 57, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 4 điều 207; khoản 1 Điều 227, khoản 1 điều 228, điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Xuân Đ.

2- Về con chung: Xử: Giao cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo H, sinh ngày 11/3/2017 và anh Nguyễn Xuân Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 13/10/2012 kể từ tháng 7/2023 cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị H, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật. Chị H, anh Đ và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản việc anh chị thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung.

3- Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị H, anh Đ không yêu cầu giải quyết, HĐXX không đặt ra giải quyết.

4- Về án phí: Chị Lê Thị H phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THADS huyện Hạ Hòa theo biên lai thu tiền số AA/2020/0005260 ngày 17/4/2023

Hoàn trả cho chị Lê Thị H số tiền 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Anh Đ phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm

Chị H, anh Đ có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- UBND xã X;
- CCTHADS huyện Hạ Hòa;
- Lưu HS – VP.

Đã ký

Tô Mạnh Tiến